# LỊCH GIẢNG KHỐI ĐẠI HỌC Y CHÍNH QUY & RĂNG HÀM MẶT & DƯỢC HỌC (NĂM HỌC: 2019 - 2020)

| TUẦN | LỚP | Y1AB | RHM1 | Y1CD | DƯỢC 1 | Y2AB | Y2CD | DƯỢC 2 |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 13 | GĐ SÁNG | *306- 308* -408 (khu A2)* | | *207-208- 307* (khu A2)* | | *305- 407* -507(A2)* | *508* - 602 (A2)* | |
| 18/11-22/11 | GĐ CHIỀU | *306- 308* -408 (khu A2)* | | *207-208- 307* (khu A2)* | | | | |
| | 07g30 - 08g20 | GDTC1 | GDTC1 | TT.TH1 | TT.TH1 | GP 2 | SINH LÝ | SINH LÝ |
| | 08g30 - 09g20 | GDTC1 | GDTC1 | TT.TH1 | TT.TH1 | GP 2 | SINH LÝ | SINH LÝ |
| THỨ | 09g30 -10g20 | GDTC2 | GDTC2 | TT.TH1 | TT.TH1 | SINH LÝ | GP 2 | |
| | 10g30 - 11g20 | GDTC2 | GDTC2 | TT.TH1 | TT.TH1 | SINH LÝ | GP 2 | |
| HAI | 13g30 - 14g20 | HÓA ĐC | HÓA ĐC | VẬT LÝ | VẬT LÝ | TT.MÔ3/VS1 | ĐDCB2/TT.GP2-N5 | HOÁ HC ỨD |
| | 14g30 - 15g20 | HÓA ĐC | HÓA ĐC | VẬT LÝ | VẬT LÝ | TT.MÔ3/VS1 | ĐDCB2/TT.GP2-N5 | HOÁ HC ỨD |
| 18/11 | 15g30 - 16g20 | VẬT LÝ | | HÓA ĐC | HÓA ĐC | TT.MÔ4/VS2 | ĐDCB2/TT.GP2-N5 | HOÁ HC ỨD |
| | 16g30 - 17g20 | VẬT LÝ | | HÓA ĐC | HÓA ĐC | TT.MÔ4/VS2 | ĐDCB2/TT.GP2-N5 | **P. 1.2 (khu C)** |
| | 07g30 - 08g20 | TT.TH1/GDTC3 | TT.TH1/GDTC3 | | | TT. SL 4 | TT. ĐDCB3/TT.GP2-N4/SL5 | TT.SL5 |
| | 08g30 - 09g20 | TT.TH1/GDTC3 | TT.TH1/GDTC3 | | | TT. SL 4 | TT. ĐDCB3/TT.GP2-N4/SL5 | TT.SL5 |
| THỨ | 09g30 -10g20 | TT.TH1/GDTC4 | TT.TH1/GDTC4 | | | TT. SL 4 | TT. ĐDCB3/TT.GP2-N4/SL5 | TT.SL5 |
| | 10g30 - 11g20 | TT.TH1/GDTC4 | TT.TH1/GDTC4 | | | TT. SL 4 | TT. ĐDCB3/TT.GP2-N4/SL5 | TT.SL5 |
| BA | 13g30 - 14g20 | NLCNML 2 | NLCNML 2 | NLCNML 2 | NLCNML 2 | TT.GP2-N2 | TT.MÔ3/VS1 | TT.VS1 |
| | 14g30 - 15g20 | NLCNML 2 | NLCNML 2 | NLCNML 2 | NLCNML 2 | TT.GP2-N2 | TT.MÔ3/VS1 | TT.VS1 |
| 19/11 | 15g30 - 16g20 | NLCNML 2 | NLCNML 2 | NLCNML 2 | NLCNML 2 | TT.GP2-N2 | TT.MÔ4/VS2 | TT.VS2 |
| | 16g30 - 17g20 | **Chiều: P.407-507-508*-602 (Khu A2)** | | | | TT.GP2-N2 | TT.MÔ4/VS2 | TT.VS2 |
| | 07g30 - 08g20 | | | | | | | |
| | 08g30 - 09g20 | | | | | | | |
| THỨ | 09g30 -10g20 | NGÀY NHÀ GIÁO VN | NGÀY NHÀ GIÁO VN | NGÀY NHÀ GIÁO VN | NGÀY NHÀ GIÁO VN | NGÀY NHÀ GIÁO VN | NGÀY NHÀ GIÁO VN | NGÀY NHÀ GIÁO VN |
| | 10g30 - 11g20 | | | | | | | |
| TƯ | 13g30 - 14g20 | | | | | | | |
| | 14g30 - 15g20 | NGÀY NHÀ GIÁO VN | NGÀY NHÀ GIÁO VN | NGÀY NHÀ GIÁO VN | NGÀY NHÀ GIÁO VN | NGÀY NHÀ GIÁO VN | NGÀY NHÀ GIÁO VN | NGÀY NHÀ GIÁO VN |
| 20/11 | 15g30 - 16g20 | | | | | | | |
| | 16g30 - 17g20 | | | | | | | |
| | 07g30 - 08g20 | TT.TH2/GDTC3 | TT.TH2/GDTC3 | | HOÁ HC ỨD | TT. VS3/TT. SL 1 | TT. ĐDCB4/TT.GP2-N1/SL2 | TT.SL2 |
| | 08g30 - 09g20 | TT.TH2/GDTC3 | TT.TH2/GDTC3 | | HOÁ HC ỨD | TT. VS3/TT. SL 1 | TT. ĐDCB4/TT.GP2-N1/SL2 | TT.SL2 |
| THỨ | 09g30 -10g20 | TT.TH2/GDTC4 | TT.TH2/GDTC4 | | HOÁ HC ỨD | TT. VS4/TT. SL 1 | TT. ĐDCB4/TT.GP2-N1/SL2 | TT.SL2 |
| | 10g30 - 11g20 | TT.TH2/GDTC4 | TT.TH2/GDTC4 | | **P. 305 (khu A2)** | TT. VS4/TT. SL 1 | TT. ĐDCB4/TT.GP2-N1/SL2 | TT.SL2 |
| NĂM | 13g30 - 14g20 | NLCNML 2 | NLCNML 2 | NLCNML 2 | NLCNML 2 | TT.GP2-N3 | TT.MÔ1/VS3 | TT.VS3 |
| | 14g30 - 15g20 | NLCNML 2 | NLCNML 2 | NLCNML 2 | NLCNML 2 | TT.GP2-N3 | TT.MÔ1/VS3 | TT.VS3 |
| 21/11 | 15g30 - 16g20 | NLCNML 2 | NLCNML 2 | NLCNML 2 | NLCNML 2 | TT.GP2-N3 | TT.MÔ5/VS4 | TT.VS4 |
| | 16g30 - 17g20 | **Chiều: P.407-507-508*-602 (Khu A2)** | | | | TT.GP2-N3 | TT.MÔ5/VS4 | TT.VS4 |
| | 07g30 - 08g20 | PHÁP LUẬT | PHÁP LUẬT | VẬT LÝ | VẬT LÝ | TT.GP2-N1/SL5 | TT. ĐDCB6/SL1 | TT.SL1 |
| | 08g30 - 09g20 | PHÁP LUẬT | PHÁP LUẬT | VẬT LÝ | VẬT LÝ | TT.GP2-N1/SL5 | TT. ĐDCB6/SL1 | TT.SL1 |
| THỨ | 09g30 -10g20 | VẬT LÝ | | PHÁP LUẬT | PHÁP LUẬT | TT.GP2-N1/SL5 | TT. ĐDCB6/SL1 | TT.SL1 |
| | 10g30 - 11g20 | VẬT LÝ | | PHÁP LUẬT | PHÁP LUẬT | TT.GP2-N1/SL5 | TT. ĐDCB6/SL1 | TT.SL1 |
| SÁU | 13g30 - 14g20 | **SH. GDSK (lớp Y1A)** | VẬT LÝ | TT.TH2 | TT.TH2 | TT.VS5 | TT.MÔ2/ ĐDCB5/TT.GP2-N3 | |
| | 14g30 - 15g20 | **SH. GDSK (lớp Y1A)** | VẬT LÝ | TT.TH2 | TT.TH2 | TT.VS5 | TT.MÔ2/ ĐDCB5/TT.GP2-N3 | |
| 22/11 | 15g30 - 16g20 | **SH. GDSK (lớp Y1A)** | VẬT LÝ | TT.TH2 | TT.TH2 | TT.MÔ2/VS6 | ĐDCB5/TT.GP2-N3 | |
| | 16g30 - 17g20 | **Lúc 14g00: P. 203 (khu A2** | **P. 305 (Khu A2)** | TT.TH2 | TT.TH2 | TT.MÔ2/VS6 | ĐDCB5/TT.GP2-N3 | |
| | 07g30 - 08g20 | | | TT.TH3 | TT.TH3 | TT.MÔ1/GP2-N4/SL3 | TT.VS5/SL3 | TT.VS5/SL3 |
| THỨ | 08g30 - 09g20 | | | TT.TH3 | TT.TH3 | TT.MÔ1/GP2-N4/SL3 | TT.VS5/SL3 | TT.VS5/SL3 |
| | 09g30 -10g20 | | | TT.TH3 | TT.TH3 | TT.MÔ5/GP2-N4/SL3 | TT.VS6/SL3 | |
| BÁY | 10g30 - 11g20 | | | TT.TH3 | TT.TH3 | TT.MÔ5/GP2-N4/SL3 | TT.VS6/SL3 | |
| | 13g30 - 14g20 | | | TT.TH4 | TT.TH4 | TT.GP2-N5/SL2 | TT.SL4/ĐDCB1 | TT.SL4 |
| | 14g30 - 15g20 | | | TT.TH4 | TT.TH4 | TT.GP2-N5/SL2 | TT.SL4/ĐDCB1 | TT.SL4 |
| 23/11 | 15g30 - 16g20 | | | TT.TH4 | TT.TH4 | TT.GP2-N5/SL2 | TT.SL4/ĐDCB1 | TT.SL4 |
| | 16g30 - 17g20 | | | TT.TH4 | TT.TH4 | TT.GP2-N5/SL2 | TT.SL4/ĐDCB1 | TT.SL4 |

# LỊCH GIẢNG KHỐI ĐẠI HỌC Y CHÍNH QUY & RĂNG HÀM MẶT & DƯỢC HỌC (NĂM HỌC: 2019 - 2020)

| TUẦN | LỚP | RHM2 | RHM3 | RHM4 | RHM5 |
|---|---|---|---|---|---|
| 13 | GĐ SÁNG | | | | |
| 18/11-22/11 | GĐ CHIỀU | | | | |
| | 07g30 - 08g20 | TT. HÓA SINH | TTLS | | THỰC TẬP |
| | 08g30 - 09g20 | TT. HÓA SINH | TTLS | | THỰC TẬP |
| THỨ | 09g30 -10g20 | TT. HÓA SINH | TTLS | | THỰC TẬP |
| | 10g30 - 11g20 | TT. HÓA SINH | TTLS | | THỰC TẬP |
| HAI | 13g30 - 14g20 | | | THỰC TẬP | THỰC TẬP |
| | 14g30 - 15g20 | | | THỰC TẬP | THỰC TẬP |
| 18/11 | 15g30 - 16g20 | | | THỰC TẬP | THỰC TẬP |
| | 16g30 - 17g20 | | | THỰC TẬP | THỰC TẬP |
| | 07g30 - 08g20 | TT. KÝ SINH TRÙNG | TTLS | THỰC TẬP | THỰC TẬP |
| | 08g30 - 09g20 | TT. KÝ SINH TRÙNG | TTLS | THỰC TẬP | THỰC TẬP |
| THỨ | 09g30 -10g20 | TT. KÝ SINH TRÙNG | TTLS | THỰC TẬP | THỰC TẬP |
| | 10g30 - 11g20 | TT. KÝ SINH TRÙNG | TTLS | THỰC TẬP | THỰC TẬP |
| | | | | | |
| BA | 13g30 - 14g20 | | | PP. NCKH | PP. NCKH |
| | 14g30 - 15g20 | | | PP. NCKH | PP. NCKH |
| 19/11 | 15g30 - 16g20 | | | PP. NCKH | PP. NCKH |
| | 16g30 - 17g20 | | | Chiều: GĐ. 9 (Khu B) - 4 tiết | Chiều: GĐ. 9 (Khu B) - 4 tiết |
| | 07g30 - 08g20 | | | | |
| | 08g30 - 09g20 | | | | |
| THỨ | 09g30 -10g20 | NGÀY NHÀ GIÁO VN | NGÀY NHÀ GIÁO VN | NGÀY NHÀ GIÁO VN | NGÀY NHÀ GIÁO VN |
| | 10g30 - 11g20 | | | | |
| TƯ | 13g30 - 14g20 | | | | |
| | 14g30 - 15g20 | NGÀY NHÀ GIÁO VN | NGÀY NHÀ GIÁO VN | NGÀY NHÀ GIÁO VN | NGÀY NHÀ GIÁO VN |
| 20/11 | 15g30 - 16g20 | | | | |
| | 16g30 - 17g20 | | | | |
| | 07g30 - 08g20 | | TTLS | | THỰC TẬP |
| | 08g30 - 09g20 | | TTLS | | THỰC TẬP |
| THỨ | 09g30 -10g20 | | TTLS | | THỰC TẬP |
| | 10g30 - 11g20 | | TTLS | | THỰC TẬP |
| NĂM | 13g30 - 14g20 | | | THI MÔ PHỎNG NK | THỰC TẬP |
| | 14g30 - 15g20 | | | P. 305 (Khu A2) | THỰC TẬP |
| 21/11 | 15g30 - 16g20 | | | | THỰC TẬP |
| | 16g30 - 17g20 | | | | THỰC TẬP |
| | 07g30 - 08g20 | TT. HÓA SINH | TTLS | THỰC TẬP | THỰC TẬP |
| | 08g30 - 09g20 | TT. HÓA SINH | TTLS | THỰC TẬP | THỰC TẬP |
| THỨ | 09g30 -10g20 | TT. HÓA SINH | TTLS | THỰC TẬP | THỰC TẬP |
| | 10g30 - 11g20 | TT. HÓA SINH | TTLS | THỰC TẬP | THỰC TẬP |
| | | | | | |
| SÁU | 13g30 - 14g20 | | | THỰC TẬP | |
| | 14g30 - 15g20 | | | THỰC TẬP | |
| 22/11 | 15g30 - 16g20 | | | THỰC TẬP | |
| | 16g30 - 17g20 | | | THỰC TẬP | |
| | 07g30 - 08g20 | | | PP. NCKH | PP. NCKH |
| THỨ | 08g30 - 09g20 | | | PP. NCKH | PP. NCKH |
| | 09g30 -10g20 | | | PP. NCKH | PP. NCKH |
| BÁY | 10g30 - 11g20 | | | Chiều: GĐ. 9 (Khu B) - 4 tiết | Chiều: GĐ. 9 (Khu B) - 4 tiết |
| | 13g30 - 14g20 | | | | |
| 23/11 | 14g30 - 15g20 | | | | |
| | 15g30 - 16g20 | | | | |
| | 16g30 - 17g20 | | | | |

# LỊCH GIẢNG KHỐI ĐẠI HỌC Y CHÍNH QUY & RĂNG HÀM MẶT & DƯỢC HỌC (NĂM HỌC: 2019 - 2020)

| TUẦN | LỚP | Y3AB | Y3CD | DƯỢC 3 | Y4AB | Y4CD | Y5ABCD | Y6ABCD |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 13 | GĐ SÁNG | | | *P. 2.3 (Khu C)* | | | | |
| 18/11-22/11 | GĐ CHIỀU | | | | *P. 3&4* - 5 - 6 (Khu B)* | | | |
| | 7h30 - 9h | TTLS | TTLS | HÓA PT 2 | TTLS | TTLS | TTLS | TTLS |
| THỨ | 9h30 - 11h | TTLS | TTLS | HÓA PT 2 | TTLS | TTLS | TTLS | TTLS |
| | | | | | | | | |
| HAI | 13h30 - 15h | TT. DƯỢC 1 | TT | | | | TT SKCĐ 1 | TTLS |
| 18/11 | 15h30 - 17h | TT. DƯỢC 1 | PTTH2 | | | | TT SKCĐ 1 | TTLS |
| | 7h30 - 9h | TTLS | TTLS | TT.HD1-N1 | TTLS | TTLS | TTLS | TTLS |
| THỨ | 9h30 - 11h | TTLS | TTLS | TT.HD1-N1 | TTLS | TTLS | TTLS | TTLS |
| | | | | | | | | |
| BA | 13h30 - 15h | TT. DƯỢC 3 | TT | THI DĐH(LT-TT) | SKCĐ | SKCĐ | TT SKCĐ 1 | TTLS |
| 19/11 | 15h30 - 17h | TT. DƯỢC 3 | PTTH4 | P. 303 (khu A2) | SKCĐ | SKCĐ | TT SKCĐ 1 | TTLS |
| | 7h30 - 9h | | | | | | | |
| THỨ | 9h30 - 11h | NGÀY | NGÀY | NGÀY | NGÀY | NGÀY | NGÀY | NGÀY |
| | | NHÀ GIÁO | NHÀ GIÁO | NHÀ GIÁO | NHÀ GIÁO | NHÀ GIÁO | NHÀ GIÁO | NHÀ GIÁO |
| TƯ | 13h30 - 15h | VN | VN | VN | VN | VN | VN | VN |
| 20/11 | 15h30 - 17h | | | | | | | |
| | 7h30 - 9h | TTLS | TTLS | BỆNH HỌC CS | TTLS | TTLS | TTLS | TTLS |
| THỨ | 9h30 - 11h | TTLS | TTLS | BỆNH HỌC CS | TTLS | TTLS | TTLS | TTLS |
| | | | | | | | Chiều: 306-307-308* | |
| NĂM | 13h30 - 15h | TT. DƯỢC 2 | TT | | SKCĐ | SKCĐ | PHÁP Y | TTLS |
| 21/11 | 15h30 - 17h | TT. DƯỢC 2 | PTTH5 | | SKCĐ | SKCĐ | PHÁP Y | TTLS |
| | 7h30 - 9h | TTLS | TTLS | TT.HD1-N2 | TTLS | TTLS | TTLS | TTLS |
| THỨ | 9h30 - 11h | TTLS | TTLS | TT.HD1-N2 | TTLS | TTLS | TTLS | TTLS |
| | | | | | | | | |
| SÁU | 13h30 - 15h | | TT | | CĐHA | CĐHA | TT SKCĐ 1 | TTLS |
| 22/11 | 15h30 - 17h | | PTTH1 | | CĐHA | CĐHA | TT SKCĐ 1 | TTLS |
| | 7h30 - 9h | THI NGOẠI NGỮ | | | | | | |
| THỨ | 9h30 - 11h | P. 307-308-407-408-507-508-602 | | | | | | |
| | | | | | | | | |
| BẢY | 13h30 - 15h | | | | | | | |
| 23/11 | 15h30 - 17h | | | | | | | |